

Bản án số: 146/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 7 - 2023

V/v Xin ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhở

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thanh Tú

Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 158/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp “*Xin ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:156/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh C ..

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh C ..

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Võ Thị N trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau năm 2012. Hôn nhân ban đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 chị phát hiện anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, mặc dù hai bên gia đình có hàn gắn nhưng không có kết quả. Chị và anh T đã ly thân năm 2020 đến nay. Nay xét thấy hôn nhân giữa chị và anh T không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T có 01 người con chung tên Trần Đình Khôi, sinh ngày 16/5/2011 bị bệnh khuyết tật nặng đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Võ Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không trình bày bổ sung gì thêm.

** Bị đơn là anh Trần Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị N.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Võ Thị N và anh Trần Văn T là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Xin ly hôn và nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; anh Trần Văn T có địa chỉ cư trú tại ấp Trọng Ban, xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Võ Thị N và anh Trần Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị N trình bày, hôn nhân ban đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 chị phát hiện anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, mặc dù hai bên gia đình có hàn gắn nhưng không có kết quả. Chị và anh T đã ly thân năm 2020 đến nay. Nay xét thấy hôn nhân giữa chị và anh T không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Đối với anh T, quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của chị N. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị N và anh T đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được đúng như chị N xác định. Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh Trần Văn T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh T có 01 người con chung tên Trần Đình Khôi, sinh ngày 16/5/2011 bị bệnh khuyết tật nặng đang sống cùng chị N. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Xét thấy, theo quy định của pháp luật thì: “*Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên...*”; “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...*” và theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình: “**... con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con**”. Tại phiên tòa, chị N xác định từ khi ly thân với anh T năm 2020 thì chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khôi. Đối với cháu Khôi sinh năm 2011 đã được 12 tuổi, tuy nhiên do cháu Khôi bị bệnh khuyết tật nặng (có Giấy xác nhận khuyết tật của Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng) nên Tòa án không tiến hành ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của cháu Khôi. **Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng để không gây xáo trộn cho cuộc sống của cháu Khôi**, cần tiếp tục giao cháu Khôi cho chị N được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh T không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Xét yêu cầu của chị N về việc yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, thấy rằng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*” và theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao “*Mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con*”. Do đó, để anh T có điều kiện thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, đặc biệt là khi cháu Khôi lại là người bị khuyết tật nặng phải được chăm sóc đặc biệt, cũng như chi phí nuôi dưỡng, nên buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu Khôi đủ 18 tuổi là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, nợ riêng:

Về tài sản chung: Chị N xác định chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị N xác định chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị N, anh Trần Văn T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị N, cho chị N được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Đình Khôi, sinh ngày 16/5/2011 cho chị N được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Khôi đủ 18 tuổi; anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng đến khi cháu Khôi đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 14/7/2023.

Anh Nguyễn không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 16 tháng 3 năm 2023 chị N có dự nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008935 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

Anh Trần Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) - Chưa nộp.

6. Về quyền kháng cáo: Chị N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lộc

Đỗ Thanh Tú

Tăng Thị Nhớ

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Đông Hưng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tăng Thị Nhớ

